



Phụ lục I
BANH MỤC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỦC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 2699/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
I. BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP				
Nhóm 05 TTHC Lĩnh vực Hoạt động xây dựng				
1	1	Nhóm 05 TTHC thuộc Lĩnh vực Hoạt động xây dựng, gồm:	- Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	
2	2		- Cấp mới Giấy phép xây dựng tại các khu công nghiệp	
3	3		- Điều chỉnh Giấy phép xây dựng tại các khu công nghiệp	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng
4	4		- Gia hạn Giấy phép xây dựng tại các khu công nghiệp	
5	5		- Cấp lại Giấy phép xây dựng tại các khu công nghiệp	
II. NGÀNH XÂY DỰNG				
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
A1. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng				
6	1	1.009977	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) - Khoản 2, Điều 51 Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng. Giảm thành phần hồ sơ	

II

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
7	2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	- Điều 37 Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.	Giảm thành phần hồ sơ
8	3	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III	- Điểm b, Khoản 23, Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023;	Giảm thành phần hồ sơ
9	4	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	- Điểm h, Khoản 1, Điều 76 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ;	Giảm thành phần hồ sơ
10	5	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	- Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	Giảm thành phần hồ sơ
11	6	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài hạng II, III	- Điểm d, Khoản 4, Điều 76 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	Giảm thành phần hồ sơ
A2.	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng			
12	7	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	- Bổ sung Mẫu đơn đề nghị; - Giảm thời gian giải quyết TTHC.
A3.	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng kiến trúc			

III

Stt		Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
13	8	1.002701	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh	- Chuẩn hóa, giảm thành phần hồ sơ - Chuẩn hóa thời gian thẩm định.
14	9	1.003011	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh	- Chuẩn hóa, giảm thành phần hồ sơ - Chuẩn hóa thời gian thẩm định.
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
B1. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng					
15	10	1.009997	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	- Khoản 2, Điều 51 Nghị định 15/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	Giảm thành phần hồ sơ
B2. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng					
16	11	1.008455	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	- Bổ sung mẫu đơn đề nghị - Giảm thời gian giải quyết TTHC.
B3. Lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc					
17	12	1.002662	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình	Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh	- Chuẩn hóa, giảm thành phần hồ sơ TTHC;

IV

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
18	13	1.003141	theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	- Chuẩn hóa thời gian thẩm định.
			Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	- Chuẩn hóa, giảm thành phần hồ sơ TTHC; - Chuẩn hóa thời gian thẩm định.
III. NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI				
A. TTHC CHUNG CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN				
AI. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
19	1	2.000477	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Sửa đổi thẩm quyền ban hành quyết định
20	2	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Sửa đổi thẩm quyền ban hành quyết định
IV. NGÀNH NGOẠI VỤ				
A. Lĩnh vực công tác lãnh sự				
21	1	2.002352	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	Bãi bỏ thủ tục hành chính thông thường thay thế hình thức công bố TTHC nội bộ
22	2	2.002353	Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	
23	3	2.002354	Cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	

V

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất	
V.	NGÀNH CÔNG THƯƠNG				
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
AI.	Lĩnh vực hóa chất				
24	1	2.001172	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất	Điểm b, Khoản 7, Điều 1 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
25	2	2.000652	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất kinh doanh	Điểm b, Khoản 7, Điều 1 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
26	3	1.011508	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh	Điểm b, Khoản 7, Điều 1 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
27	4	2.001175	Thủ tục cấp lại chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức	Điểm b, Khoản 6, Điều 1 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
28	5	2.001161	Thủ tục cấp lại chính giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức	Giảm thành phần hồ sơ
29	6	1.011507	Thủ tục cấp lại chính giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức	Giảm thành phần hồ sơ
30	7	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giảm thành phần hồ sơ
31	8	2.000636	Cấp lại giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giảm thành phần hồ sơ
32	9	2.000167	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Giảm thành phần hồ sơ
33	10	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	

VII

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giãn hóa	Nội dung đề xuất
			17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	
34	11	2.0000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sửa đổi mẫu đơn, tờ khai
35	12	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Sửa đổi mẫu đơn, tờ khai
B.		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
B1.		Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		
36	13	2.000633	Thủ tục Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Giảm thành phần hồ sơ
37	14	2.000162	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Giảm thành phần hồ sơ
38	15	2.000150	Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá: trường hợp mất, hỏng	Giảm thành phần hồ sơ
39	16	2.001240	Thủ tục cấp lại giấy phép bán lẻ rượu: trường hợp mất, hỏng	Giảm thành phần hồ sơ
40	17	2.000615	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	Giảm thành phần hồ sơ
VI.		NGÀNH Y TẾ		
A		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
A1.		Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh		

VIII

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
41	1.000562	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của sở y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Khoản 1, Điều 21, Thông tư 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2025 của Bộ Y tế	Bãi bỏ thủ tục hành chính
42	1.001138	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02/06/2014 của Bộ Y tế	Bãi bỏ thủ tục hành chính
43	2.000559	Cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02/06/2014 của Bộ Y tế	Bãi bỏ thủ tục hành chính
44	2.000552	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02/06/2014 của Bộ Y tế	Bãi bỏ thủ tục hành chính
45	1.006780	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02/06/2014 của Bộ Y tế	Bãi bỏ thủ tục hành chính
A2.	Lĩnh vực Dược phẩm			
46	1.004516	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được	Khoản 1, Điều 55, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ	Bãi bỏ thủ tục hành chính
47	1.003001	Đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	Điều 6, Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế	Bãi bỏ thủ tục hành chính
48	1.002258	Đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Điều 6, Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế	Bãi bỏ thủ tục hành chính
49	1.002399	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khoản 32, Điều 5, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/1/2018 của Chính phủ	Bãi bỏ thủ tục hành chính
A3.	Lĩnh vực Y tế dự phòng			

IX

Stt		Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
50	10	1.004568	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Khoản 2, Điều 5, Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20/01/2010 của Bộ Y tế, Bộ Công an	Cắt giảm trình tự thực hiện
A4.		Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng			
51	11	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Điểm d, Khoản 1, Điều 36, Luật An toàn thực phẩm; - Điểm c, Khoản 2, Điều 6, Chương III, Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.	Giảm thành phần hồ sơ
VII. NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
A1. Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình - Thông tin điện tử					
52	1	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Khoản 6, Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ	Bãi bỏ quy định gian giải quyết TTHC
A2. Lĩnh vực Báo chí					
53	2	1.009374	Cấp Giấy phép xuất bản báo tin	Quyết định số 77/QĐ-BTTTT ngày 22/01/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông	Mẫu đơn, tờ khai: Ban hành mẫu chung về Sơ yếu lý lịch
A3. Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành					
54	3	1.003868	Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Điểm b, Khoản 1, Điều 25 của Luật Xuất bản năm 2012	Đổi tương tự thực hiện TTHC: Bãi bỏ cơ quan, tổ chức nhà nước
55	4	2.001564	Cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Điểm d, Khoản 3, Điều 34 của Luật Xuất bản năm 2012	Giảm thành phần hồ sơ

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
B.				
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN				
B1.				
Lĩnh vực Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử				
56	2.001885	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Điểm c, Mục 1, Khoản 37 và Điểm b, Mục 1, Khoản 39, Điều 1 tại Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
57	2.001880	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng		Giảm thành phần hồ sơ
VIII.				
A.				
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
A1.				
Lĩnh vực môi trường				
58	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bãi bỏ thủ tục hành chính
59	1.006875	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bãi bỏ thủ tục hành chính
A2.				
Lĩnh vực Tài nguyên nước				
60	1.001740	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thành phần hồ sơ: Quy định cụ thể thành phần hồ sơ phải nộp.
A3.				
Lĩnh vực Khoáng sản				
61	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bãi bỏ thủ tục hành chính

XI

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
62	5	1.005408 Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bãi bỏ thủ tục hành chính
63	6	2.001781 Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bãi bỏ thủ tục hành chính
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN				
B1. Lĩnh vực Môi trường				
64	7	1.010723 Cấp giấy phép môi trường	Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	- Giảm thành phần hồ sơ - Giảm thời gian giải quyết TTHC
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
C1. Lĩnh vực Môi trường				
65	8	1.004082 Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Quyết định số 1240/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Bãi bỏ thủ tục hành chính
IX. NGÀNH TƯ PHÁP				
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
A1. Lĩnh vực Lý lịch tư pháp				
66	1	2.000488 Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	- Điểm a, Khoản 1, Điều 45, Luật Lý lịch tư pháp; - Quyết định số 1235/QĐ-BTP ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Bãi bỏ thủ tục hành chính

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN				
B1. Lĩnh vực Hộ tịch				
67	2	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.	Cắt giảm nội dung khai Mẫu đơn, mẫu tờ khai
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
C1 Lĩnh vực Hộ tịch				
68	3	Đăng ký khai sinh	Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Giảm thành phần hồ sơ
69	4	Đăng ký kết hôn		Giảm thành phần hồ sơ
70	5	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		Giảm thành phần hồ sơ
X. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
A1. Nhóm TTHC Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp				
71	1	1.005069	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thực	Bãi bỏ thủ tục hành chính
72	2	1.005073	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	Bãi bỏ thủ tục hành chính
73	3	2.001988	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp)	Bãi bỏ thủ tục hành chính
74	4	1.005082	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Bãi bỏ thủ tục hành chính

XIII

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
75	5	1.005354 Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	- Điều 79, Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ; - Quyết định số 2108/QĐ-BGDDT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bãi bỏ thủ tục hành chính
76	6	2.001989 Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	- Điều 78 đến Điều 86 của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ;	Bãi bỏ thủ tục hành chính
77	7	1.005088 Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thực	- Điều 79, Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ;	Bãi bỏ thủ tục hành chính
78	8	1.005087 Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp)	- Quyết định số 2108/QĐ-BGDDT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bãi bỏ thủ tục hành chính
B.		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
B1.		Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo		
79	9	1.006390 Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Quyết định số 2108/QĐ-BGDDT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giảm thành phần hồ sơ
80	10	2.001842 Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Quyết định số 2108/QĐ-BGDDT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giảm thành phần hồ sơ
81	11	1.004444 Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Quyết định số 2108/QĐ-BGDDT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giảm thành phần hồ sơ

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
82	1.004496	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giảm thành phần hồ sơ
83	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Kiến nghị phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC
XI.	NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH			
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
A1.	Lĩnh vực Hợp tác quốc tế			
84	1.006412	Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Điểm b, Khoản 1, Điều 12, Nghị định 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
A2.	Lĩnh vực thể thao			
85	1.000953	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
86	1.000936	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
87	1.000883	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
88	1.001195	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
89	1.000904	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
90	1.000863	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ

Stt		Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giãn hóa	Nội dung đề xuất
91	8	1.001801	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
92	9	1.000814	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
93	10	2.002188	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn sư rồng	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
94	11	1.005357	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
95	12	1.005163	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
96	13	1.005162	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
97	14	1.001527	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
98	15	1.001517	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
99	16	1.001500	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
100	17	1.001213	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
101	18	1.001056	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
102	19	1.000920	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
103	20	1.000847	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Giảm thành phần hồ sơ
104	21	1.000842	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Giảm thành phần hồ sơ
105	22	1.000830	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Giảm thành phần hồ sơ
106	23	1.000644	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	
107	24	1.000594	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	Giảm thành phần hồ sơ
108	25	1.000560	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Giảm thành phần hồ sơ
109	26	1.000544	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ Cổ truyền, Vovinam	Giảm thành phần hồ sơ
110	27	1.000518	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	Giảm thành phần hồ sơ
111	28	1.000501	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Giảm thành phần hồ sơ
112	29	1.000485	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Giảm thành phần hồ sơ
XII.	NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
A1.	Lĩnh vực Chăn nuôi			

XVII

Stt		Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
113	1	1.011475	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13/02/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cắt giảm trình tự thực hiện TTHC
A2.		Lĩnh vực Thủy sản			
114	2	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bãi bỏ thủ tục hành chính
115	3	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bãi bỏ bộ thủ tục hành chính
A3.		Lĩnh vực Lâm nghiệp			
116	4	3.000160	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	- Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 1303/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/04/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Giảm thành phần hồ sơ

Phụ lục II
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 2699/QĐ-UBND ngày 13/9/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI

A. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng

** Đơn giản hóa quy định hành chính đối với Nhóm 05 thủ tục hành chính thuộc Lĩnh vực Hoạt động xây dựng, gồm:*

- 1. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;**
- 2. Cấp mới Giấy phép xây dựng tại các khu công nghiệp;**
- 3. Điều chỉnh Giấy phép xây dựng tại các khu công nghiệp;**
- 4. Gia hạn Giấy phép xây dựng tại các khu công nghiệp;**
- 5. Cấp lại Giấy phép xây dựng tại các khu công nghiệp.**

a) Nội dung đơn giản hóa quy định hành chính:

* Không thực hiện thủ tục lập quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn đối với các dự án trong khu công nghiệp với quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 10 ha trước khi thực hiện các thủ tục về Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, cấp mới, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng tại các khu công nghiệp.

** Lý do:*

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng có quy định đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp có quy mô sử dụng đất **dưới 10 ha phải lập quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn** để làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng, cấp mới, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng, thời gian áp dụng kể từ ngày 20/6/2023 (ngày Nghị định số 35/2023/NĐ-CP có hiệu lực) đối với tất cả các dự án xây dựng trong khu công nghiệp, **bao gồm cả dự án mới, dự án đang hoạt động có nhu cầu cải tạo, mở rộng.**

Việc này phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp trong khi các KCN trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng (phân khu tỷ lệ 1/2.000 hoặc quy hoạch chi tiết 1/500 mà trước đây theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ đều xem là quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/500).

- Về lập quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn đối với các dự án đang hoạt động trong khu công nghiệp có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 10 ha theo quy định của Nghị định số 35/2023/NĐ-CP là chưa phù hợp thực tiễn đối với hoạt động sản xuất theo dây chuyền công nghệ liên tục đổi mới của doanh nghiệp; cụ thể các dự án đang hoạt động, việc xây dựng công trình mới phục vụ sản xuất hoặc điều chỉnh giấy

phép xây dựng, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng phải thực hiện lập quy hoạch chi tiết rút gọn làm cơ sở xem xét; việc này mất nhiều thời gian cho doanh nghiệp trong khi về tổng thể các công trình đã có hiện hữu trên lô đất dự án và việc đầu tư mở rộng, cải tạo, điều chỉnh đều tuân thủ quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu xây dựng của khu công nghiệp và tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01:2021/BXD) về quy hoạch xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi:

Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, hướng dẫn không thực hiện lập quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn đối với các dự án trong khu công nghiệp với quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 10 ha, do nội dung này phát sinh sau này và các dự án công nghiệp quy mô dưới 10 ha qua theo dõi thường xuyên cải tạo, xây dựng phát sinh công trình để cập nhật dây chuyền công nghệ, trường hợp phải lập quy hoạch 1/500 sẽ liên tục phải điều chỉnh quy hoạch 1/500 theo trình tự thủ tục quy định trước khi lập hồ sơ xây dựng, phát sinh rất nhiều thời gian và thủ tục đối với doanh nghiệp, cụ thể:

- Bãi bỏ nội dung: “3. ...Đối với các lô đất có quy mô nhỏ quy định tại khoản 4 Điều này thì được lập quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (gọi là quy trình lập quy hoạch tổng mặt bằng) theo quy định từ khoản 4a đến khoản 4d Điều này” của Điều 1 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Bãi bỏ nội dung: “4. ...Đối với các lô đất có quy mô nhỏ quy định tại khoản 5 Điều này thì được lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy trình rút gọn (gọi là quy trình lập quy hoạch tổng mặt bằng) theo quy định từ khoản 5a đến khoản 5đ Điều này”.

Và bãi bỏ nội dung: “b) ... có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 10 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật...” quy định tại Điều 2, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.

- Sửa đổi nội dung: Tại Điểm h, Khoản 8, Điều 16, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ “h) Đối với hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đã nộp theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP tại cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành nhưng chưa được cấp giấy phép xây dựng thì việc cấp giấy phép xây dựng được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Việc cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành được thực hiện theo quy định tại Nghị định này;

Đề nghị sửa đổi, bổ sung thành “h) ...Việc cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với các dự án trên lô đất mới kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành được thực hiện theo quy định tại Nghị định này...”.

- Bãi bỏ nội dung: Điểm I, Khoản 8, Điều 16, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về “Trường hợp dự án đầu tư xây dựng đã được

cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn hoặc cho một hoặc một số công trình của dự án theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với các giai đoạn tiếp theo hoặc các công trình còn lại của dự án được thực hiện theo quy định tại Nghị định này;”.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Phù hợp điều kiện thực tế đối với các dự án đang hoạt động trong các KCN đã có quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch chi tiết 1/500.

- Không phát sinh thêm thủ tục phụ/thủ tục con; tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí, thời gian, cho cá nhân, tổ chức.

- Giảm thời gian thực hiện thủ tục (giảm ít nhất 40 ngày gồm 25 ngày thẩm định + 15 ngày phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh) để nhà đầu tư sớm triển khai dự án, thời gian này chưa bao gồm thời gian lấy ý kiến cộng đồng dân cư 40 ngày và chưa tính thời gian doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ trình nộp theo quy định.

- Không thực hiện thủ tục lập quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn đối với các dự án trong khu công nghiệp doanh nghiệp tiết giảm được khoản chi phí thực hiện hồ sơ, thủ tục khoảng từ **300 triệu đồng/hồ sơ** theo các quy định thu phí đồ án quy hoạch tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019, Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 và Thông tư số 02/2024/TT-BXD ngày 20/5/2024 cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm hiện tại: 30.708.660.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 30.708.660.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

II. NGÀNH XÂY DỰNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng

6. Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) - (Mã số TTHC: 1.009977)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ: Kiến nghị bỏ nội dung tài liệu “Báo cáo kết quả thẩm định của chủ đầu tư, trong đó phải có nội dung về bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường”.

- *Lý do:* Theo thành phần hồ sơ thủ tục điều chỉnh GPXD tại Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì đã có tài liệu “*Văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng*”. Văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của chủ đầu tư đã căn cứ vào kết quả thẩm định, trong đó đã có các giải pháp thiết kế điều chỉnh, đánh giá đảm bảo an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. Do đó, không cần thiết phải có tài liệu đang đề xuất đơn giản hóa như nêu trên.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ Điều chỉnh Khoản 2, Điều 51 Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thực hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí pho-to¹ + chứng thực): 60.000 đồng/bộ x 20 bộ/năm = 1.2000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 20.000 đồng/bộ x 20 bộ/năm: 400.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

7. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Mã số TTHC: 1.009973)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thành phần hồ sơ:* Kiến nghị bỏ tài liệu “*Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt*” và điều chỉnh lại thành “*Hồ sơ khảo sát xây dựng tương ứng bước thiết kế được chủ đầu tư phê duyệt (nếu có)*”

- *Lý do:* Theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì thành phần hồ sơ thủ tục “*thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng*” (trước thủ tục này) đã có yêu cầu hồ sơ khảo sát xây dựng nên đề nghị bỏ để tiết kiệm chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện các dự án có quy mô nhỏ và chỉ cần hồ sơ khảo sát xây dựng một bước. Đối với dự án có quy mô lớn yêu cầu hồ sơ khảo sát xây dựng tương ứng với bước thiết kế thì mới cần hồ sơ khảo sát xây dựng tương ứng bước đó.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ điều chỉnh Điều 37, Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

¹ Chi phí pho-to, in ấn, sao chụp... tính theo đơn giá quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin.

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Xây dựng, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí photo + chứng thực): 5.000.000 đồng/bộ.

- Chi phí tiết kiệm: 300.000 đồng/bộ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6%.

8. Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III (Mã số TTHC: 1.009982)

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- *Giảm thành phần hồ sơ*: Sửa đổi, bổ sung yêu cầu quy định về tài liệu để nộp hồ sơ: đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*”.

- *Lý do*: Hiện nay các thủ tục hành chính cơ bản được nộp theo dịch vụ công toàn trình, do đó thành phần hồ sơ là “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” là không cần thiết. Do vậy, đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ xem xét, điều chỉnh Điểm b, Khoản 23, Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; Điểm h, Khoản 1, Điều 76, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Xây dựng, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí chứng thực): 30.000 đồng/bộ.

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa: 30.000 đồng/bộ hồ sơ.

9. Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (Mã số TTHC: 1.009983)

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- *Giảm thành phần hồ sơ*: Sửa đổi, bổ sung yêu cầu quy định về tài liệu để nộp hồ sơ: đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*”.

- *Lý do:* Hiện nay các thủ tục hành chính cơ bản được nộp theo dịch vụ công toàn trình, do đó thành phần hồ sơ là “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” là không cần thiết. Do vậy, đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ Điều chỉnh Điểm b, Khoản 23, Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; điểm h, khoản 1, Điều 76 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí chứng thực): 30.000 đồng/bộ x 150 bộ/năm = 4.500.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa: 30.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 4.500.000 đồng/năm.

10. Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (Mã số TTHC: 1.009928)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thành phần hồ sơ:* Sửa đổi, bổ sung yêu cầu quy định về tài liệu để nộp hồ sơ: đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*”.

- *Lý do:* Hiện nay các thủ tục hành chính cơ bản được nộp theo dịch vụ công toàn trình, do đó thành phần hồ sơ là “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” là không cần thiết. Do vậy, đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ Điều chỉnh điểm b, Khoản 23, Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; điểm h, Khoản 1, Điều 76 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí chứng thực): 30.000 đồng/bộ x 100 bộ/năm = 3.000.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa: 30.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm: 3.000.000 đồng/năm.

11. Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài hạng II, III (Mã số TTHC: 1.009987)

a) Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm thành phần hồ sơ:* Sửa đổi, bổ sung yêu cầu quy định về tài liệu đề nộp hồ sơ: đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*”.

- *Lý do:* Hiện nay các thủ tục hành chính cơ bản được nộp theo dịch vụ công toàn trình, do đó thành phần hồ sơ là “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” là không cần thiết. Do vậy, đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ điều chỉnh Điểm d, Khoản 4, Điều 76, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí chứng thực): 30.000 đồng/bộ x 50 bộ/năm = 1.500.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa: 30.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.500.000 đồng/năm.

A2. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng

12. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.008432)

a) Nội dung đơn giản hóa

- *Đề xuất mẫu đơn tờ khai:* Đề xuất bổ sung mẫu đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch và mẫu văn bản cung cấp thông tin quy hoạch.

- *Lý do:* Hồ sơ thực hiện DVC trực tuyến toàn trình 100%, do đó đề xuất bổ sung mẫu đơn và mẫu văn bản cung cấp thông tin quy hoạch nhằm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tải và điền các biểu mẫu tờ khai để thực hiện DVC trực tuyến.

- *Thời gian giải quyết:* Đề xuất giảm 01 ngày, thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: từ 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Lý do:* Hồ sơ thực hiện DVC trực tuyến toàn trình 100%. Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa có hồ sơ bị trễ hạn. Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, nhằm giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh mục thời gian giải quyết và mẫu đơn tờ khai tại Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Bổ sung mẫu đơn, tờ khai: nhằm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tải và điền các biểu mẫu tờ khai để thực hiện DVC trực tuyến.

- Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo đúng quy trình, không bị trễ hạn.

- Giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân:

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa⁽²⁾: 15 ngày làm việc x 386.032 = 5.790.480 đồng/hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 5.790.480 (15 ngày làm việc) - 386.032 (01 ngày làm việc) = 5.404.448 đồng/hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: 5.790.480 - 5.404.448 = 386.032 đồng/hồ sơ.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67%.

A4. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng kiến trúc

13. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 1.002701)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Chuẩn hóa thành phần hồ sơ, bỏ 01 thành phần hồ sơ "Biên bản thông qua hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng tỉnh hoặc văn bản tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng và văn bản của chủ đầu tư về giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với hồ sơ".

² Cách tính thu nhập bình quân đầu người/01 giờ làm việc theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Căn cứ số liệu thống kê năm 2023 của Tổng cục Thống kê tại <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke>): Mức thu nhập bình quân/1h/1 người năm 2023 = 10.221,8 nghìn tỷ đồng (10.221.800.000.000) (GDP năm 2023)/100,3 triệu (100.300.000) (dân số Việt Nam năm 2023) *12 (tháng)*22 (ngày làm việc/1 tháng) * 8h (số giờ làm việc trong một ngày) = 10.221.800.000.000/211.833.600.000 = 48.254 đồng (Tương ứng là 386.032 đồng/ 1 ngày làm việc)

- *Lý do:* Giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, phù hợp với quy định của Bộ Xây dựng (quy định tại Điều 33, Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng). Ngoài ra, bước lấy ý kiến hội đồng thẩm định được thực hiện sau khi Sở Xây dựng tiếp nhận và thẩm định hồ sơ nên không cần đề nghị chủ đầu tư nộp thành phần hồ sơ này.

- *Thời gian giải quyết:* Chuẩn hóa ngày làm việc: thời gian thẩm định nhiệm vụ từ không quá 17 ngày thành không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 13 ngày thành không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- *Lý do:* Phù hợp với quy định của Bộ Xây dựng tại Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng: Nghị định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh sửa đổi Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh về công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính, quy trình điện tử bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (phần II, thủ tục hành chính cấp huyện).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* UBND tỉnh.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (10 thành phần/ bộ hồ sơ), chi phí = 10 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 30.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/ bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 9%.

14. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.003011)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Chuẩn hóa thành phần hồ sơ, bỏ 01 thành phần hồ sơ "Biên bản thông qua hội đồng thẩm đồ án quy hoạch xây dựng tỉnh hoặc văn bản tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng và văn bản của chủ đầu tư về giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với hồ sơ".

- *Lý do:* Giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ; Phù hợp với quy định của Bộ Xây dựng (quy định tại Điều 33, Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng). Ngoài ra, bước lấy ý kiến hội đồng thẩm định được thực hiện sau

khi Sở Xây dựng tiếp nhận và thẩm định hồ sơ nên không cần đề nghị chủ đầu tư nộp thành phần hồ sơ này.

- *Thời gian giải quyết*: Chuẩn hóa ngày làm việc "thời gian thẩm định đồ án từ không quá 22 ngày thành không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án không quá 13 ngày thành không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định".

- *Lý do*: Phù hợp với quy định của Bộ Xây dựng tại Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng: Nghị định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh sửa đổi Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh về công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính, quy trình điện tử bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (phần II, thủ tục hành chính cấp huyện).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: UBND tỉnh.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Đảm bảo thống nhất thời gian giữa bộ thủ tục hành chính và quy định của Trung ương, làm cơ sở đề xuất giảm thời gian khi thực hiện trong thực tế.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (11 thành phần/ bộ hồ sơ), chi phí = 11 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 33.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (10 thành phần/ bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 30.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

B1. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng

15. Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Mã số TTHC: 1.009997)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thành phần hồ sơ*: Kiến nghị bỏ nội dung tài liệu "Báo cáo kết quả thẩm định của chủ đầu tư, trong đó phải có nội dung về bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường".

- *Lý do:* Theo thành phần hồ sơ thủ tục điều chỉnh GPXD tại Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì đã có tài liệu “*Văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng*”. Văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của chủ đầu tư đã căn cứ vào kết quả thẩm định, trong đó đã có các giải pháp thiết kế điều chỉnh, đánh giá đảm bảo an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. Do đó, không cần thiết phải có tài liệu đang đề xuất đơn giản hóa như nêu trên.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, tham mưu Chính phủ điều chỉnh Khoản 2, Điều 51 Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí photo + chứng thực): 60.000 đồng/bộ x 20 bộ/năm = 1.2000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 20.000 đồng/bộ x 20 bộ/năm: 400.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

B2. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng

16. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng (Mã số TTHC: 1.008455)

a) Nội dung đơn giản hóa

- *Đề xuất mẫu đơn tờ khai:* Đề xuất bổ sung mẫu đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch và mẫu văn bản cung cấp thông tin quy hoạch.

- *Giảm thời gian giải quyết:* Đề xuất giảm 01 ngày, thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: từ 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Lý do:* Hồ sơ thực hiện DVC trực tuyến toàn trình 100%. Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa có hồ sơ bị trễ hạn. Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, nhằm giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC.

Hồ sơ thực hiện DVC trực tuyến toàn trình 100%, do đó đề xuất bổ sung mẫu đơn và mẫu văn bản cung cấp thông tin quy hoạch nhằm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tải và điền các biểu mẫu tờ khai để thực hiện DVC trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng điều chỉnh mục thời gian giải quyết và mẫu đơn tờ khai tại Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Bổ sung mẫu đơn, tờ khai: nhằm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tải và điền các biểu mẫu tờ khai để thực hiện DVC trực tuyến.

- Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo đúng quy trình, không bị trễ hạn.

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc $\times 386.032 = 5.790.480$ đồng/hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 5.790.480 (15 ngày làm việc) - 386.032 (01 ngày làm việc) = 5.404.448 đồng/hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: $5.790.480 - 5.404.448 = 386.032$ đồng/hồ sơ.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67%.

B3. Lĩnh vực Quy hoạch- Kiến trúc

17. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện (Mã số TTHC: 1.002662)

c) Nội dung đơn giản hóa:

- *Chuẩn hóa, giảm thành phần hồ sơ*, bỏ 01 thành phần hồ sơ "Biên bản thông qua hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng tỉnh hoặc văn bản tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng và văn bản của chủ đầu tư về giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với hồ sơ".

- *Lý do:* Giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, phù hợp với quy định của Bộ Xây dựng (quy định tại Điều 33, Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng). Ngoài ra, bước lấy ý kiến hội đồng thẩm định được thực hiện sau khi Phòng Quản lý đô thị/kinh tế hạ tầng tiếp nhận và thẩm định hồ sơ nên không cần đề nghị chủ đầu tư nộp thành phần hồ sơ này.

- *Thời gian giải quyết:* Chuẩn hóa ngày làm việc: thời gian thẩm định nhiệm vụ từ không quá 17 ngày thành không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 13 ngày thành không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- *Lý do:* Phù hợp với quy định của Bộ Xây dựng tại Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng: Nghị định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh sửa đổi Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh về công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính, quy trình điện tử bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (phần II, thủ tục hành chính cấp huyện).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* UBND tỉnh.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (10 thành phần/ bộ hồ sơ), chi phí = 10 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 30.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/ bộ hồ sơ), chi phí = 09 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 27.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.

18. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện (Mã số TTHC: 1.003141)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- *Chuẩn hóa, giảm thành phần hồ sơ*, bỏ 01 thành phần hồ sơ "Biên bản thông qua hội đồng thẩm đồ án quy hoạch xây dựng tỉnh hoặc văn bản tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng và văn bản của chủ đầu tư về giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với hồ sơ".

- *Lý do:* Giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ; Phù hợp với quy định của Bộ Xây dựng (quy định tại Điều 33, Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng). Ngoài ra, bước lấy ý kiến hội đồng thẩm định được thực hiện sau khi Phòng Quản lý đô thị/kinh tế hạ tầng tiếp nhận và thẩm định hồ sơ nên không cần đề nghị chủ đầu tư nộp thành phần hồ sơ này.

- *Thời gian giải quyết:* Chuẩn hóa ngày làm việc "thời gian thẩm định đồ án từ không quá 22 ngày thành không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án không quá 13 ngày thành không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định".

- *Lý do:* Phù hợp với quy định của Bộ Xây dựng tại Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng: Nghị định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh sửa đổi Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh về công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính, quy trình điện tử bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành

Xây dựng, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (phần II, thủ tục hành chính cấp huyện).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* UBND tỉnh.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Đảm bảo thống nhất thời gian giữa bộ thủ tục hành chính và quy định của Trung ương, làm cơ sở đề xuất giảm thời gian khi thực hiện trong thực tế.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (11 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 11 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 33.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (10 thành phần/ bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 30.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/ bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.

III. NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI CHUNG CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

19. Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện (Mã số TTHC: 2.000477)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Đề xuất sửa đổi thẩm quyền ban hành quyết định dừng trợ giúp xã hội theo Khoản 1, Điều 30, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, cụ thể:

“Điều 30. Thẩm quyền, điều kiện, thủ tục dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội

1. *Thẩm quyền dừng trợ giúp xã hội:* Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội quyết định dừng trợ giúp xã hội đối với đối tượng. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội do cấp huyện quản lý thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định dừng trợ giúp xã hội đối với đối tượng.”

Đề nghị sửa thành: “1. *Thẩm quyền dừng trợ giúp xã hội:* Giám đốc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội quyết định dừng trợ giúp xã hội đối tượng do cơ sở cấp tỉnh quản lý. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội do cấp huyện quản lý thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định dừng trợ giúp xã hội đối với đối tượng.”

- *Lý do:* Các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập là đơn vị sự nghiệp nhà nước và các Cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập cấp tỉnh quản lý không phải là đơn vị hành chính nhà nước do vậy khi Giám đốc cơ sở ban hành Quyết định dừng trợ giúp xã hội đối với đối tượng thì đây không phải là thủ tục hành chính do cơ quan hành chính nhà nước ban hành, do đó đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, tham mưu Chính phủ sửa đổi thẩm quyền ban hành quyết định dừng trợ giúp xã hội theo Khoản 1, Điều 30, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Chính phủ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Nhằm cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính về thẩm quyền cơ quan ra quyết định **dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện**, tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng kịp thời phù hợp theo thực tế.

- Quy định cụ thể, rõ ràng thẩm quyền, trách nhiệm dừng trợ giúp xã hội góp phần thực hiện phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý hồ sơ TTHC theo quy định.

20. Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện (Mã số TTHC: 2.000286)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đề xuất sửa đổi thẩm quyền ban hành quyết định tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội theo Khoản 1, Điều 27, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, cụ thể:

“Điều 27. Thẩm quyền, hồ sơ tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội

1. Thẩm quyền tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội: Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội quyết định tiếp nhận đối tượng vào cơ sở. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội do cấp huyện quản lý thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đưa đối tượng vào cơ sở.”

Đề nghị sửa thành: “1. *Thẩm quyền tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội: Giám đốc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội quyết định tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh quản lý. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội do cấp huyện quản lý thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đưa đối tượng vào cơ sở.*”

- *Lý do:* Các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập là đơn vị sự nghiệp nhà nước và các Cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập cấp tỉnh quản lý không phải là đơn vị hành chính nhà nước, do vậy khi Giám đốc cơ sở ban hành Quyết định tiếp nhận đối tượng thì đây là kết quả đầu ra của thủ tục hành chính nhưng không do cơ quan hành chính nhà nước ban hành, do đó đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, tham mưu Chính phủ sửa đổi Khoản 1, Điều 27, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Chính phủ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Nhằm cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính về thẩm quyền cơ quan ra quyết định tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng kịp thời phù hợp theo thực tế.

- Quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm, góp phần thực hiện phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC theo quy định.

IV. NGÀNH NGOẠI VỤ

** Nhóm thủ tục Lĩnh vực Công tác lãnh sự:*

21. Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao (Mã số TTHC: 2.002352)

22. Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao (Mã số TTHC: 2.002353)

23. Cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao (Mã số TTHC: 2.002354)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ, đề xuất bãi bỏ 03 thủ tục hành chính (TTHC) nêu trên ra khỏi Quyết định số 1275/QĐ-BNG ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ Ngoại giao về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lãnh sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao trên cơ sở đề nghị của Bộ Ngoại giao tại Văn bản số 1994/BNG-VP ngày 02/4/2023 về việc xin ý kiến dự thảo Quyết định công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao.

- *Lí do:* Ngày 02/4/2023 Bộ Ngoại giao ban hành Văn bản số 1994/BNG-VP về việc xin ý kiến dự thảo Quyết định công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao trong đó có 03 TTHC nêu trên. Đồng thời, Bộ phận một cửa của Sở Ngoại vụ trong quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên trang một cửa của tỉnh tại địa chỉ: <https://motcua.dongnai.gov.vn> nhận thấy người dân thường xuyên nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đối với 02 thủ tục hành chính của Sở, gồm: (1) *Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao;* (2) *Thủ tục gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao* tại trang: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn>, trong khi họ không thuộc đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Ngoại giao xem xét, công bố 03 TTHC theo đề xuất của Sở Ngoại vụ thành TTHC nội bộ. Đồng thời, kiến nghị Bộ Ngoại giao bãi bỏ các TTHC nêu trên tại Quyết định số 1275/QĐ-BNG ngày 20/5/2024 của Bộ Ngoại giao.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Ngoại giao.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc thực hiện đơn giản hóa tránh sự nhầm lẫn giữa hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (do Bộ Ngoại giao cấp) với hộ

chiếu phổ thông (do Bộ Công an cấp). Do đó, người dân không thuộc đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ không mất thời gian nghiên cứu, nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính.

V. NGÀNH CÔNG THƯƠNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. Lĩnh vực hóa chất

24. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất (Mã số TTHC: 2.001172).

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- *Lý do:* Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp điều chỉnh đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét bãi bỏ Điểm b, Khoản 7, Điều 1 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 50 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 150.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 150.000 đồng/bộ hồ sơ - 3.000 đồng/thành phần hồ sơ = 147.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 2%

25. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất kinh doanh (Mã số TTHC: 2.000652).

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- *Lý do:* Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp điều chỉnh đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét bãi bỏ Điểm b, Khoản 7, Điều 1 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 50 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 150.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 150.000 đồng/bộ hồ sơ- 3.000 đồng/thành phần hồ sơ = 147.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ= 3.000 đồng/ hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 2%

26. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh (*Mã số TTHC: 1.011508*)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- *Lý do:* Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp điều chỉnh đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét bãi bỏ Điểm b, Khoản 7, Điều 1 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 60 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 180.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 180.000 đồng/bộ hồ sơ- 3.000 đồng/thành phần hồ sơ = 177.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ= 3.000 đồng/hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 1,7%

27. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức (*Mã số TTHC: 2.001175*).

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- *Lý do:* Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét bãi bỏ Điểm b, Khoản 6, Điều 1 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 05 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 15.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 15.000 đồng/bộ hồ sơ- 3.000 đồng/thành phần hồ sơ = 12.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ= 3.000 đồng/hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 20%

28. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp Giấy

chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức (Mã số TTHC: 2.001161).

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- *Lý do*: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét bãi bỏ Điểm b, Khoản 6, Điều 1 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 05 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 15.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 15.000 đồng/bộ hồ sơ- 3.000 đồng/thành phần hồ sơ = 12.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ= 3.000 đồng/hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 20%

29. Cấp lại chính giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp: Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức (Mã số TTHC: 1.011507).

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- *Lý do*: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét bãi bỏ Điểm b, Khoản 6, Điều 1 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của

Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 05 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 15.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 15.000 đồng/bộ hồ sơ - 3.000 đồng/thành phần hồ sơ = 12.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 20%.

30. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Mã số TTHC: 2.001619)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép đã được cấp.

- Lý do: Giấy phép bán buôn rượu đã được lưu trữ tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép đã có thông tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí pho-to, lưu trữ giấy tờ, giảm chi phí lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét bãi bỏ Điểm b, Khoản 2, Điều 26 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/hồ sơ x 04 hồ sơ = 12.000 đồng.

- Tỷ lệ: 10%

31. Cấp lại giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Mã số TTHC: 2.000636)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép đã được cấp.

- Lý do: Giấy phép bán buôn rượu đã được lưu trữ tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép đã có thông tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí pho-to, lưu trữ giấy tờ, giảm chi phí lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét bãi bỏ Điểm a, Khoản 2, Điều 27 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/hồ sơ x 03 hồ sơ = 9.000 đồng.

- Tỷ lệ: 30%

32. Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (Mã số TTHC: 2.000167)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép đã được cấp.

- Lý do: Giấy phép bán buôn thuốc lá đã được lưu trữ tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép đã có thông tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí pho-to, lưu trữ giấy tờ, giảm chi phí lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét bãi bỏ Điểm b, Khoản 2, Điều 38 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Tỷ lệ: 30%

33. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (Mã số TTHC: 2.000176)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép đã được cấp.

- Lý do: Giấy phép bán buôn rượu đã được lưu trữ tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép đã có thông tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí pho-to, lưu trữ giấy tờ, giảm chi phí lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét bãi bỏ Điểm b, Khoản 2, Điều 38 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Tỷ lệ: 30%

34. Thông báo hoạt động khuyến mại (Mã số TTHC: 2.000033)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Sửa đổi người ký tên trên biểu mẫu của TTHC thành “Người đại diện của doanh nghiệp”.

- Lý do: Theo quy định tại các Mẫu trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP, chỉ có người đại diện theo pháp luật của thương nhân mới có quyền ký tên vào các Mẫu để gửi đến cơ quan quản lý nhà nước. Quy định này đã không còn phù hợp với thực tiễn ủy quyền trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc sửa đổi người ký tên trên mẫu thành “Người đại diện của doanh nghiệp” sẽ phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện TTHC.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi Khoản 1, Khoản 2, Điều 17, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại (Nghị định số 81/2018/NĐ-CP).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ (Doanh nghiệp sử dụng từ 1-2 tờ) = 3.000 -6.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000 – 6.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm trong năm 2023 (khoảng 32.000 hồ sơ): 3.000 – 6.000 đồng/bộ hồ sơ x 32.000 hồ sơ = 96.000.000 – 192.000.000 đồng.

- Tỷ lệ: 10%

35. Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (Mã số TTHC: 2.001474)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Sửa đổi người ký tên trên biểu mẫu của TTHC thành “Người đại diện của doanh nghiệp”.

- Lý do: Theo quy định tại các Mẫu trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP, chỉ có người đại diện theo pháp luật của thương nhân mới có quyền ký tên vào các Mẫu để gửi đến cơ quan quản lý nhà nước. Quy định này đã không còn phù hợp với thực tiễn ủy quyền trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc sửa đổi người ký tên trên mẫu thành “Người đại diện của doanh nghiệp” sẽ phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện TTHC.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi Khoản 1, Khoản 2, Điều 17 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại (Nghị định số 81/2018/NĐ-CP).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ (Doanh nghiệp sử dụng từ 1-2 tờ) = 3.000 -6.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000 – 6.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm trong năm 2023 (khoảng 2.400 hồ sơ): 3.000 – 6.000 đồng/bộ hồ sơ x 2.400 hồ sơ = 7.200.000 -14.400.000 đồng.

- Tỷ lệ: 10%.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

B1. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước

36. Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mã số TTHC: 2.000633)

a) *Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ, đề xuất bãi bỏ Mục 4 của thành phần hồ sơ Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, cụ thể “Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất”.*

- Lý do:

Tại Mục 3 của thành phần hồ sơ Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh yêu cầu “*Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); ...*”.

Qua rà soát Mẫu số 1- Bản tự công bố sản phẩm và Mẫu số 2- Bản công bố sản phẩm ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, thì trong mẫu Bản tự công bố sản phẩm/Bản công bố sản phẩm có **mục III. Mẫu nhãn sản phẩm** đã yêu cầu tổ chức, cá nhân đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến.

Như vậy, **mẫu nhãn sản phẩm đã được đính kèm khi thực hiện thủ tục công bố sản phẩm** cho nên mục 4 của thành phần hồ sơ Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh yêu cầu “*Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất*” là không cần thiết, do đó, UBND huyện kiến nghị Sở Công thương xem xét, đề xuất bãi bỏ Mục 4 của thành phần hồ sơ Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét bãi bỏ Khoản 4, Điều 20, Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.440.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 60.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,71%.

37. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Mã số TTHC: 2.000162)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp.

- *Lý do*: Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung đã có thông tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 38 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (03 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 03 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 9.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 02 thành phần x 3.000 đồng/thành phần hồ sơ = 6.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/bộ hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 01 hồ sơ (phát sinh năm 2023) = 3.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 33,3%

38. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá: Trường hợp mất, hỏng (Mã số TTHC: 2.000150)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp.

- *Lý do*: Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 39 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 02 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 6.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/bộ = 3.000 đồng/hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 50%.

39. cấp lại giấy phép bán lẻ rượu: Trường hợp mất, hỏng (Mã số TTHC: 2.001240)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp.

- *Lý do:* Bản sao Giấy phép bán lẻ rượu được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi Điều a, Khoản 2, Điều 27 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 02 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 6.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/ hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 50%.

40. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu (Mã số TTHC: 2.000615)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp.

- *Lý do:* Bản sao Giấy phép bán lẻ rượu được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông

tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại pho-to giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi Điều b, Khoản 2, Điều 26 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Công Thương, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa 03 thành phần/ bộ hồ sơ, chi phí = 03 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 9.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa 02 thành phần/bộ hồ sơ, chi phí = 02 thành phần x 3.000 đồng/thành phần hồ sơ = 6.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 08 hồ sơ (phát sinh năm 2023) = 24.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 33,3%

VI. NGÀNH Y TẾ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh

41. Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của sở y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (Mã số TTHC: 1.000562)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- *Lý do:*

+ Nhiều năm liên không phát sinh hồ sơ;

+ Giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền Sở Y tế hiện nay được đăng tải trên Website nên không còn trường hợp bị mất, hư hỏng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Y tế sửa đổi Khoản 1, Điều 21, Thông tư 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế Quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Y tế.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (01 bộ hồ sơ cấp lại khoảng 6.000 đồng): 02 trang giấy A4 x 3.000 đồng/trang = 6.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 6.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

*** Nhóm thủ tục về cấp, cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ (04 thủ tục)**

42. Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ (Mã số TTHC: 1.001138);

43. Cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ (Mã số TTHC: 2.000559);

44. Cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm (Mã số TTHC: 2.000552);

45. Cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng (Mã số TTHC: 1.006780)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính.

- Lý do:

+ Nhiều năm liên không phát sinh hồ sơ;

+ Hiện nay hệ thống các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã bao phủ rộng khắp trên toàn tỉnh, trong chương trình đào tạo thực hành để cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho nhân viên y tế (Bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên...) quy định bắt buộc phải có thời gian thực hành về hồi sức, cấp cứu 01 tháng hoặc 03 tháng tùy từng đối tượng nhằm đáp ứng yêu cầu nhân viên y tế có thể tham gia sơ cấp cứu tại cộng đồng.

+ Tỷ lệ người có thể bảo hiểm y tế cao, đời sống vật chất của người dân được cải thiện, người dân có nhu cầu tìm đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để được sơ cấp cứu khi gặp tai nạn, thiên tai, thảm họa...

+ Theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh đã thêm loại hình Cơ sở cấp cứu ngoại viện vào Hình thức tổ chức của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Luật và Nghị định cũng đã có quy định về việc huy động, điều động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc tình trạng khẩn cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Y tế bãi bỏ Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02/06/2014 của Bộ Y tế quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu thập đỏ.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Y tế.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (01 bộ hồ sơ khoảng 36.000 đồng): 12 trang giấy A4 x 3.000 đồng/trang = 36.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 36.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

A2. Lĩnh vực Dược phẩm

46. Cho phép bán lẻ thuốc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược (Mã số TTHC:1.004516)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- *Lý do:* Cơ sở bán lẻ thuốc có thể đề xuất được bán lẻ thuốc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ khi thực hiện “Thủ tục cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)”.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Y tế nghiên cứu, tham mưu Chính phủ sửa đổi Khoản 1, Điều 55, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Y tế, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (01 bộ hồ sơ khoảng 39.000 đồng): 13 trang giấy A4 x 3.000 đồng/trang = 39.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 39.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

47. Đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (Mã số TTHC: 1.003001)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- *Lý do:* Hiện nay, cơ sở bán lẻ thuốc được cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt thông qua thủ tục cấp liên thông khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược tại “Thủ tục cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Y tế xem xét, sửa đổi Điều 6, Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế Quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Y tế.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (01 bộ hồ sơ khoảng 30.000 đồng): 10 trang giấy A4 x 3.000 đồng/trang = 30.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 30.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

48. Đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc (Mã số TTHC: 1.002258)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- *Lý do:* Hiện nay, cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc được cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc thông qua thủ tục cấp liên thông khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược: “Thủ tục cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Y tế xem xét, sửa đổi Điều 6, Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế Quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Y tế.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (01 bộ hồ sơ khoảng 30.000 đồng): 10 trang giấy A4 x 3.000 đồng/trang = 30.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 30.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

49. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Mã số TTHC: 1.002399)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- *Lý do:* Cơ sở bán lẻ thuốc đề xuất được kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt khi thực hiện “Thủ tục cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Y tế nghiên cứu, tham mưu Chính phủ sửa đổi Khoản 32, Điều 5, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/1/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Y tế, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (01 bộ hồ sơ khoảng 51.000 đồng): 17 trang giấy A4 x 3.000 đồng/trang = 51.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 51.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

A3. Lĩnh vực Y tế dự phòng

50. Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng (Mã số TTHC: 1.004568)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Kiến nghị cắt giảm trình tự thực hiện tại bước 2 và bước 3 và chỉ yêu cầu người đăng ký làm nhân viên tiếp cận cộng đồng xuất trình Căn cước công dân thay thế Giấy xác nhận nhân thân.

- Theo quy định hiện hành quy trình cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng phải qua 5 bước, kiến nghị giảm thành 3 bước như sau:

+ Bước 1: Người có nguyện vọng làm nhân viên tiếp cận cộng đồng tự nguyện viết đơn đề nghị cấp Thẻ và nộp cho người đứng đầu chương trình, dự án;

+ Bước 2: Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ, người đứng đầu chương trình, dự án hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp Thẻ gửi đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;

+ Bước 3: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật phải ban hành quyết định cấp Thẻ cho những người được tuyển chọn làm nhân viên tiếp cận cộng đồng. Trường hợp không cấp, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đối với từng trường hợp.

- *Lý do:* Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, việc thực hiện bước 2 và bước 3 là không cần thiết, chỉ cần yêu cầu người đăng ký làm nhân viên tiếp cận cộng đồng xuất trình Căn cước công dân thay thế Giấy xác nhận nhân thân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Y tế xem xét, nghiên cứu phối hợp sửa đổi Khoản 2, Điều 5, Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20/01/2010 của Bộ Y tế, Bộ Công an quy định việc cấp, phát, quản lý và sử dụng Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Y tế, Bộ Công an.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giúp nhân viên tiếp cận cộng đồng có nguyện vọng được sớm cấp thẻ để có thể triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và rút ngắn thời gian thực hiện công việc cho nhân viên Y tế.

A4. Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng

51. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.002425)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Bãi bỏ “danh sách người sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở”.

- *Lý do:* Thành phần hồ sơ trên không do cơ quan quản lý nhà nước xác nhận mà chỉ do chủ cơ sở tập huấn cho nhân viên và xác nhận bằng danh sách tập huấn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Y tế nghiên cứu, tham mưu đề xuất bãi bỏ Điểm đ, Khoản 1, Điều 36, Luật An toàn thực phẩm và Điểm c, Khoản 2, Điều 6, Chương III, Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế (đã được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Y tế, Chính phủ, Quốc hội.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.000.000 đồng (chi phí tuân thủ 01 hồ sơ) x 436 (số lượng hồ sơ năm 2023) = 872.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.980.000 đồng x 436 = 863.280.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.720.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1%

VII. NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình- Thông tin điện tử

52. Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Mã số TTHC: 2.001098)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đề nghị bãi bỏ quy định thời hạn của giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

- *Lý do:* Hiện trong thủ tục hành chính có thủ tục *Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp*. Trong trường hợp các tổ chức, cơ quan, đơn vị có thay đổi thông tin so với hồ sơ đã được cấp phép thì sẽ thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, nghiên cứu, đề xuất Chính phủ bãi bỏ thời hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp được quy định tại Khoản 6, Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Thông tin và Truyền thông, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án: Thuận tiện đơn giản hóa thủ tục, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày x 386.032 đồng = 3.860.320 đồng/Hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 3.860.320 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

A2. Lĩnh vực Báo chí

53. Cấp Giấy phép xuất bản bản tin (Mã số TTHC: 1.009374)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đối với thành phần hồ sơ: Ban hành mẫu chung về Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin cần có biểu mẫu chung, trích lược ngắn gọn.

- *Lý do:* Hiện nay trên thị trường có nhiều mẫu sơ yếu lý lịch cung cấp thông tin cá nhân phục vụ các mục đích khác nhau và phải kê khai nhiều thông tin (người đang công tác, xin việc...), do đó cần phải ban hành mẫu sơ yếu lý lịch riêng dành cho người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin gồm các thông tin cơ bản (họ tên, ngày tháng năm sinh, chức vụ, nơi công tác và bằng cấp chuyên môn) đối với thủ tục hành chính xin cấp phép xuất bản bản tin.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu ban hành biểu mẫu chung đối với thành phần hồ sơ có sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin đối với TTHC nêu trên tại Quyết định số 77/QĐ-BTTTT ngày 22/01/2021.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Nhằm chuẩn hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức kê khai ngắn gọn trích lược thông tin chung đối với người chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện thủ tục cấp phép xuất bản bản tin.

A3. Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành

54. Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (Mã số TTHC: 1.003868)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đối với đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đề nghị bỏ đối tượng là cơ quan, tổ chức nhà nước.

- *Lý do:* Theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật 2013 thì việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và cơ quan, tổ chức có thể sử dụng hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp để đảm bảo đem lại hiệu quả (tại Khoản 1, Điều 3 và Khoản 8, Điều 11). Như vậy, việc biên soạn và sử dụng tài liệu không kinh doanh trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục phổ biến pháp luật trên thực tiễn gắn liền với chuyên môn và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Trong khi thời gian để cấp phép cho thủ tục này là 15 ngày làm việc. Do đó, các cơ quan, đơn vị không phải làm thủ tục xin cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh là hợp lý.

Đồng thời tại Khoản 1, Điều 3, Nghị định số 49/2024 ngày 10/5/2024 của Chính phủ nêu rõ tài liệu không kinh doanh cũng là một trong những nội dung hoạt động thiết yếu dùng để truyền tải trực tiếp đến người dân và tại Khoản 2, Điều 20 cũng quy định trách nhiệm của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã “Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin của tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất bãi bỏ đối tượng là cơ quan, tổ chức nhà nước được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 25 của Luật Xuất bản năm 2012.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Thông tin và Truyền thông, Chính phủ, Quốc hội.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức có thể sử dụng hình thức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp để đảm bảo, đem lại hiệu quả cao và không phải mất thời gian chờ đợi xin cấp giấy phép xuất bản tài liệu.

55. Cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (Mã số TTHC: 2.001564)

a) *Nội dung đơn giản hóa*

- Đối với thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ yêu cầu bản sao hộ chiếu/ Giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân của người được ủy quyền đặt in.

- *Lý do*: Hiện nay hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã được kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, đồng thời trong giấy ủy quyền đã khai rõ thông tin cá nhân nên việc yêu cầu cung cấp bản sao giấy chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân là không cần thiết.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất - Cắt giảm thành phần hồ sơ: Bãi bỏ bản sao chứng minh nhân dân/ căn cước công dân được quy định tại Điểm đ, Khoản 3, Điều 34 của Luật Xuất bản năm 2012.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Thông tin và Truyền thông, Chính phủ, Quốc hội.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Cắt giảm thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân giảm bớt được thời gian phải đi phô tô hộ chiếu/ Giấy chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân của người được ủy quyền đặt in trong thực hiện thủ tục hành chính này.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

B1. Lĩnh vực Phát thanh, Truyền hình- Thông tin điện tử

56. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (Mã số TTHC: 2.001885);

57. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (Mã số TTHC: 2.001880);

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- Đề nghị bỏ yêu cầu bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu trong thành phần hồ sơ.

- *Lý do:* Hiện nay trên Hệ thống phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trong khi tờ khai người dân đã khai rõ thông tin cá nhân nên việc yêu cầu cung cấp bản sao căn cước công là không cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu tham mưu đề xuất Chính phủ điều chỉnh: “*bãi bỏ yêu cầu bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu...*” trong thành phần hồ sơ của TTHC được quy định tại Điểm c, Mục 1, Khoản 37 và Điểm b, Mục 1, Khoản 39, Điều 1 tại Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Thông tin và Truyền thông, Chính phủ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Cắt giảm thành phần hồ sơ TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân giảm bớt được thời gian pho-to-copy và giảm được chi phí trong việc chứng thực các giấy tờ trên cá nhân trên để thực hiện thủ tục hành chính nhanh chóng thuận tiện.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.000 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.000 đồng/hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

VIII. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. Lĩnh vực Môi trường

58. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Mã số TTHC: 1.008682)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- *Lý do:* Thủ tục hành chính này chưa phát sinh hồ sơ trên địa bàn tỉnh trong 05 liên tục kể từ ngày ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính (*Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh*).

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường bãi bỏ thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh được ban hành tại Quyết định số Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Trường hợp phát sinh hồ sơ thì thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo đường công văn.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) *Lợi ích đơn giản hoá:* Cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng thủ tục hành chính không cần thiết.

59. Thủ tục cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ (Mã số TTHC: 1.006875)

a) *Nội dung đơn giản hoá:*

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- Lý do: Thủ tục hành chính này chưa phát sinh hồ sơ trên địa bàn tỉnh trong 05 liên tục kể từ ngày ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính (Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh).

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường bãi bỏ thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh được ban hành tại Quyết định số Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Trường hợp phát sinh hồ sơ thì thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo đường công văn.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) *Lợi ích đơn giản hoá:* Cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng thủ tục hành chính không cần thiết.

A2. Lĩnh vực Tài nguyên nước

60. Thủ tục Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.001740))

a) *Nội dung đơn giản hoá:*

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 3, Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, cá nhân, tổ chức phải nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

- Văn bản lấy ý kiến kèm theo các tài liệu như:

+ Thông tin tổng thể của dự án; kế hoạch, tiến độ triển khai dự án kèm theo văn bản, tài liệu pháp lý liên quan đến đầu tư, xây dựng dự án, thời gian dự kiến vận hành khai thác nước;

+ Thuyết minh phương án khai thác tài nguyên nước của dự án, trong đó thể hiện đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này;

+ Dự kiến tác động và các biện pháp giảm thiểu tác động của việc vận hành khai thác của công trình đến nguồn nước, môi trường, các đối tượng khai thác, sử dụng nước và đối tượng khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình;

- *Lý do*: Tạo sự minh bạch trong việc công khai thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân biết chuẩn bị hồ sơ, tránh trường hợp đi lại để bổ sung hồ sơ.

b) Kiến nghị, đề xuất:

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Lợi ích đơn giản hóa: Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân biết chuẩn bị hồ sơ, tránh trường hợp đi lại để bổ sung hồ sơ.

A3. Lĩnh vực khoáng sản

61. Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mã số TTHC: 2.001814)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- *Lý do*: Thủ tục hành chính này chưa phát sinh hồ sơ trên địa bàn tỉnh trong 05 liên tục kể từ ngày ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường bãi bỏ thủ tục hành chính Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh được ban hành tại Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trường hợp phát sinh hồ sơ thì thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo đường công văn.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Lợi ích đơn giản hoá: Cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng thủ tục hành chính không cần thiết.

62. Thủ tục trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (Mã số TTHC: 1.005408)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.
- Lý do: Thủ tục hành chính này chưa phát sinh hồ sơ trên địa bàn tỉnh trong 05 liên tục kể từ ngày ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường bãi bỏ thủ tục hành chính trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh được ban hành tại Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trường hợp phát sinh hồ sơ thì thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo đường công văn.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Lợi ích đơn giản hoá: Cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng thủ tục hành chính không cần thiết.

63. Thủ tục cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mã số TTHC: 2.001781)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.
- Lý do: Thủ tục hành chính này chưa phát sinh hồ sơ trên địa bàn tỉnh trong 05 liên tục kể từ ngày ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường bãi bỏ thủ tục hành chính cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh được ban hành tại Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trường hợp phát sinh hồ sơ thì thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo đường công văn.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Lợi ích đơn giản hoá: Cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng thủ tục hành chính không cần thiết.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

B1. Lĩnh vực Môi trường

64. Thủ tục Cấp giấy phép môi trường (Mã số TTHC: 1.010723)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Bãi bỏ đối với các trường hợp:

+ Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: *mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;*

+ Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: *mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;*

+ Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II: *mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;*

- *Lý do:* Các trường hợp này không thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp huyện.

- Giảm thời gian thẩm định TTHC từ 30 ngày xuống còn 29 ngày (giảm thời gian tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ của Phòng Tài nguyên và Môi trường từ 16,5 ngày xuống còn 15,5 ngày)- đối với trường hợp có thời gian giải quyết tối đa 30 ngày.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (phần nội dung cấp phép môi trường cấp huyện).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá:

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:*

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 30 ngày (thời gian quy định giải quyết 1 hồ sơ) x 386,032 đồng/ngày (thu nhập bình quân 1 người/ngày năm 2023)= 11,580,960 đồng

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC năm 2023: 11,580,960 đồng x 56 hồ sơ (hồ sơ phát sinh trong năm 2023 = 648,533,760 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:*

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 29 ngày x 386,032 đồng/ngày (thu nhập bình quân 1 người/ngày năm 2023)= 11,194,928 đồng

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC năm 2023: 11,194,928 đồng x 56 hồ sơ (hồ sơ phát sinh trong năm 2023) = 626,915,968 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 648,533,760 - 626,915,968 = 21,617,792 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

C1. Lĩnh vực môi trường

65. Thủ tục Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Mã số TTHC: 1.004082)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- Lý do: Thủ tục hành chính này chưa phát sinh hồ sơ trên địa bàn tỉnh trong 03 liên tục kể từ ngày ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường bãi bỏ thủ tục hành chính Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được ban hành tại Quyết định số 1240/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Lợi ích đơn giản hoá: Cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng thủ tục hành chính không cần thiết.

IX. NGÀNH TƯ PHÁP

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. Lĩnh vực Lý lịch tư pháp

66. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam (Mã số TTHC: 2.000488)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ chứng minh nhân dân, căn cước công dân khỏi thành phần hồ sơ nộp trực tuyến.

- Lý do: Do người dân đã sử dụng tài khoản định danh mức 2 và được xác thực nên có thể giảm bớt việc chụp hình và đính kèm lên thành phần hồ sơ, tiết kiệm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu tham mưu sửa đổi Điều a, Khoản 1, Điều 45, Luật Lý lịch tư pháp và Quyết định số 1235/QĐ-BTP ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tư pháp, Chính phủ, Quốc hội.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết.

- Tăng cường thực hiện công tác số hóa và tái sử dụng dữ liệu đã số hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

B1. Lĩnh vực hộ tịch

67. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch xác định lại dân tộc (Mã số TTHC: 2.000748)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm, không cần khai phần khai chỗ người được xác nhận thông tin nếu người yêu cầu là người được xác nhận trong Tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.

- *Lý do:* Do thông tin phần khai trùng nên có thể giảm bớt việc khai thông tin, tiết kiệm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu bổ sung thêm ở phần ghi chú hướng dẫn viết tờ khai dòng chữ “nếu người yêu cầu là người xác nhận thì không cần khai phần khai của người xác nhận thông tin” trong tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc quy định tại Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tư pháp.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

C1. Lĩnh vực hộ tịch

68. Đăng ký khai sinh (Mã số TTHC: 1.001193)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ chứng minh nhân dân, căn cước công dân khỏi thành phần hồ sơ nộp trực tuyến.

- *Lý do:* Do người dân đã sử dụng tài khoản định danh mức 2 và được xác thực nên có thể giảm bớt việc chụp hình và đính kèm lên thành phần hồ sơ, tiết kiệm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, xem xét sửa đổi Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính

được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tư pháp.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết.

- Tăng cường thực hiện công tác số hóa và tái sử dụng dữ liệu đã số hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

69. Đăng ký kết hôn (Mã số TTHC: 1.000894)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Cắt giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ chứng minh nhân dân, căn cước công dân khỏi thành phần hồ sơ nộp trực tuyến.

- *Lý do:* Do người dân đã sử dụng tài khoản định danh mức 2 và được xác thực nên có thể giảm bớt việc chụp hình và đính kèm lên thành phần hồ sơ, tiết kiệm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, xem xét sửa đổi Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tư pháp.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết.

- Tăng cường thực hiện công tác số hóa và tái sử dụng dữ liệu đã số hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

70. Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Mã số TTHC: 1.004873)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Cắt giảm thành phần hồ sơ, bãi bỏ chứng minh nhân dân, căn cước công dân khỏi thành phần hồ sơ nộp trực tuyến.

- *Lý do:* Do người dân đã sử dụng tài khoản định danh mức 2 và được xác thực nên có thể giảm bớt việc chụp hình và đính kèm lên thành phần hồ sơ, tiết kiệm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, xem xét sửa đổi Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tư pháp.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết.
- Tăng cường thực hiện công tác số hóa và tái sử dụng dữ liệu đã số hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

X. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. Nhóm TTHC Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp

*** Đề nghị bãi bỏ thủ tục hành chính:**

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Đề nghị bãi bỏ 08 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, cụ thể:

71. Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục (Mã số TTHC: 1.005069)

72. Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm (Mã số TTHC: 1.005073)

73. Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp) - (Mã số TTHC: 2.001988)

74. Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp (Mã số TTHC: 1.005082)

75. Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp (Mã số TTHC: 1.005354)

76. Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp (Mã số TTHC: 2.001989)

77. Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục (Mã số TTHC: 1.005088)

78. Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp) - (Mã số TTHC: 1.005087)

- *Lý do:* Theo quy định của Luật Giáo dục các nội dung thực hiện các TTHC này đã hết hiệu lực và Tại Mục 3 (Đào tạo và Bồi dưỡng nhà giáo), Điều 72 (Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo của Luật Giáo dục quy định). Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo được quy định như sau:

- + Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên đối với giáo viên mầm non;
- + Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Điều chỉnh tại Điều 78 đến Điều 86 của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Điều chỉnh tại Điều 79 (Thủ tục thành lập trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm công lập hoặc cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm tư thục) của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, bãi bỏ 08 thủ tục nêu trên tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:* Cắt giảm thủ tục hành chính, phục vụ công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa TTHC, bãi bỏ các nội dung đã hết hiệu lực đảm bảo thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Giáo dục.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

B1. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo

79. Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 1.006390)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Đề nghị cắt giảm thành phần hồ sơ: Bãi bỏ “Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường mầm non, nhà trẻ”.

- *Lý do:* Thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân chuyển sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên phần mềm giải quyết TTHC của tỉnh và trên phần mềm quản lý văn bản (QLVB) của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, bãi bỏ thành phần hồ sơ của TTHC nêu trên tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:* Giảm chi phí khi thực hiện TTHC

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 350.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 346.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 4.000 đồng/1 hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.4%

80. Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 2.001842)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Bãi bỏ “Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường”.

Lý do: Thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân chuyển sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên phần mềm giải quyết TTHC của tỉnh và trên phần mềm QLVB của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, bãi bỏ thành phần hồ sơ của TTHC nêu trên tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích của phương án: Giảm chi phí khi thực hiện TTHC

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 350.000 đồng/1 hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 346.000 đồng/1 hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 4.000 đồng/1 hồ sơ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.4%

81. Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 1.004444)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Bãi bỏ “Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường”.

Lý do: Thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân chuyển sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên phần mềm giải quyết TTHC của tỉnh và trên phần mềm QLVB của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, bãi bỏ thành phần hồ sơ của TTHC nêu trên tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) *Lợi ích của phương án:* Giảm chi phí khi thực hiện TTHC

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 350.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 346.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 4.000 đồng/1 hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.4%

82. Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 1.004496)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Bãi bỏ “Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường”.

- *Lý do:* Thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân chuyển sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên phần mềm giải quyết TTHC của tỉnh và trên phần mềm QLVB của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, bãi bỏ thành phần hồ sơ của TTHC nêu trên tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) *Lợi ích của phương án:* Giảm chi phí khi thực hiện TTHC

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 350.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 346.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 4.000 đồng/1 hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.4%

83. Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở (Mã số TTHC: 2.002481)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Kiến nghị phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC là Hiệu trưởng, thủ trưởng cơ sở giáo dục thay vì hiện nay là cơ quan thực hiện là Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- *Lý do:* Theo Điểm 2, Mục A, Phụ lục IV của Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo về Hiệu trưởng (Thủ trưởng) cơ sở giáo dục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC nêu trên tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Thực hiện đề xuất phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính phù hợp quy định hiện thành và thực tiễn công tác quản lý theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiết kiệm thời gian, đảm bảo tốt hơn quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC.

XI. NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. Lĩnh vực Hợp tác quốc tế

84. Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.006412)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, tham mưu Chính phủ bãi bỏ thành phần hồ sơ (Điểm b, Khoản 1, Điều 12, Nghị định 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

A2. Lĩnh vực thể thao

85. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga (Mã số TTHC: 1.000953)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

86. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf (Mã số TTHC: 1.000936)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- Căn cứ thực hiện:

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

87. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn (Mã số TTHC: 1.000883)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu

điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

88. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo (Mã số TTHC: 1.001195)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

89. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate (Mã số TTHC: 1.000904)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

90. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker (Mã số TTHC: 1.000863)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

91. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao (Mã số TTHC: 1.001801)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

92. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao (Mã số TTHC: 1.000814)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

93. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng (Mã số TTHC: 2.002188)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- Căn cứ thực hiện:

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

94. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí (Mã số TTHC: 1.005357)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

95. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness (Mã số TTHC: 1.005163)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- Căn cứ thực hiện:

- + Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.
- + Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

96. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu (Mã số TTHC: 1.005162)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

97. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ (Mã số TTHC: 1.001527)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

98. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao (Mã số TTHC: 1.001517)

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do*: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện*:

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

99. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném (Mã số TTHC: 1.001500)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

100. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển (Mã số TTHC: 1.001213)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

101. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao (Mã số TTHC: 1.001056)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

102. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông (Mã số TTHC: 1.000920)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

103. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn (Mã số TTHC: 1.000847)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

104. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo (Mã số TTHC: 1.000842)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

105. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay (Mã số TTHC: 1.000830)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

106. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ (Mã số TTHC: 1.000644)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

107. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí (Mã số TTHC: 1.000594)

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do*: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện*:

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

108. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh (Mã số TTHC: 1.000560)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

109. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ Cổ truyền, Vovinam (Mã số TTHC: 1.000544)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng.

01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

110. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá (Mã số TTHC: 1.000518)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- Căn cứ thực hiện:

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong sổ hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

111. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt (Mã số TTHC: 1.000501)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- Căn cứ thực hiện:

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong sổ hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

112. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin (Mã số TTHC: 1.000485)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- *Lý do:* Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- *Căn cứ thực hiện:*

+ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- *Thảm quyền đơn giản hóa:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ x 3 (thành phần hồ sơ) = 51.000 đồng. 01 hồ sơ phát sinh x 51.000 đồng = 51.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 51.000 đồng - 17.000 đồng = 34.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 51.000 đồng - 34.000 đồng = 17.000 đồng/01 hồ sơ (Trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ, khi có phát sinh sẽ tính toán chi phí tiết kiệm dựa trên số lượng hồ sơ phát sinh trong thực tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

XII. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. Lĩnh vực Chăn nuôi

113. Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Mã số TTHC: 1.011475)

a) Nội dung đơn giản hóa

- *Cắt giảm 02 trường hợp trong trình tự thực hiện TTHC: đề nghị bãi bỏ 02 trình tự giải quyết cho 02 trường hợp thực hiện TTHC cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, cụ thể: Bãi bỏ trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục; và bãi bỏ trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.*

- *Lý do Cắt giảm 02 trường hợp trong trình tự thực hiện TTHC: qua thực tế giải quyết TTHC cho các tổ chức cá nhân, bộ phận giải quyết TTHC nhận thấy đối với Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục; Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục hiện: Không có phát sinh hồ sơ.*

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu sửa đổi lại trình tự giải quyết đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật được quy định Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13/02/2023.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Nhằm cắt giảm trình tự thực hiện thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

- Bãi bỏ trình tự thực hiện thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 386.032 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2023 x 25 ngày (thời gian quy định) = 9.650.800 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 386.032 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2023 x 20 ngày = 7.720.640 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 1.930.160 đồng

+ Chi phí tiết kiệm (năm 2024 không phát sinh hồ sơ).

- Tỷ lệ cắt giảm: 20%.

A2. Lĩnh vực Thủy sản

114. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá (Mã số TTHC: 1.004697)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đề nghị bãi bỏ bộ thủ tục hành chính Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá.

- Lý do: Đã công bố, niêm yết công khai nhưng chưa có tổ chức/cá nhân nào nộp hồ sơ, triển khai thực hiện; hiện nay Chi cục Thủy sản không còn chức năng đăng kiểm tàu cá và chức năng đăng kiểm tàu cá đã chuyển sang Trung tâm đăng kiểm tàu cá (đơn vị sự nghiệp).

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá đối với tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Nhằm cắt giảm trình tự thực hiện thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

- Bãi bỏ trình tự thực hiện thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2023 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí tiết kiệm (năm 2024 không phát sinh hồ sơ).

- Tỷ lệ cắt giảm: 100%.

115. Công bố mở cảng cá loại 2 (Mã số TTHC: 1.004694)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị bãi bỏ bộ thủ tục hành chính Công bố mở cảng cá loại 2.

- Lý do: Đã công bố, niêm yết công khai nhưng tính đến nay (03 năm) chưa phát sinh hồ sơ TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ thủ tục Công bố mở cảng cá loại 2 đối với tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Nhằm cắt giảm trình tự thực hiện thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

- Bãi bỏ trình tự thực hiện thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2023 x 06 ngày (thời gian quy định) = 1.332.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí tiết kiệm (năm 2024 không phát sinh hồ sơ).

- Tỷ lệ cắt giảm: 100%.

A3. Lĩnh vực Lâm nghiệp

116. Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ (Mã số TTHC: 3.000160)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đề nghị cắt giảm thành phần hồ sơ như sau:

Tại mục 5. Tuân thủ quy định của pháp luật về thuế, lao động: đề nghị bỏ điểm c: tài liệu chứng minh “Người lao động có tên trong danh sách bảng lương của doanh nghiệp”: Danh sách người lao động kèm theo mã số Bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp từng tháng trong 12 tháng liên tiếp tính đến ngày đăng ký phân loại, tại phụ lục II: Tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT.

- *Lý do*: Tại mục hồ sơ: Quyết định thành lập tổ chức công đoàn của doanh nghiệp đang có hiệu lực thi hành đã có kèm theo danh sách người lao động là thành viên tổ chức công đoàn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về Công đoàn trong năm đăng ký phân loại và đã có Bản chụp niêm yết công khai thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội và y tế đối với người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội trong năm đăng ký phân loại.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh sửa đổi Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; Cụ thể tại phụ lục II: Tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp kèm theo

Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT, mục 5. Tuân thủ quy định của pháp luật về thuế, lao động: đề nghị bỏ điểm c: tài liệu chứng minh “Người lao động có tên trong danh sách bảng lương của doanh nghiệp”: Danh sách người lao động kèm theo mã số Bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp từng tháng trong 12 tháng liên tiếp tính đến ngày đăng ký phân loại (quy định tại Quyết định số 1303/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/04/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Giảm thời gian, chi phí in ấn tài liệu và giảm tải dung lượng hồ sơ lưu trữ cho cả Doanh nghiệp và cơ quan quản lý ngành.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí photô, in ấn thành phần hồ sơ đề nghị cắt giảm: 60.000 đ/hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ (Chi phí tiết kiệm: 60.000 đ/ 1 bộ hồ sơ).

Chi phí tiết kiệm năm 2024: $60.000 * 14 \text{ bộ hồ sơ} = 600.000 \text{ đồng}$.